

Số: 200 /TB-UBND

Móng Cái, ngày 20 tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc thực hiện thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu đối với phương tiện vận tải vào giao nhận hàng tại khu vực cửa khẩu (cửa khẩu cầu Bắc Luân II), phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái

Kính gửi:

- Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động XNK trên địa bàn thành phố Móng Cái;
- Ban QLCKQT Móng Cái.

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ về việc xác định phạm vi khu vực cửa khẩu quốc tế Móng Cái (khu vực cửa khẩu cầu Bắc Luân II), tỉnh Quảng Ninh. Theo đó phạm vi khu vực cửa khẩu quốc tế Móng Cái theo đường dẫn cầu Bắc Luân II từ Barie số 2 đến vạch phân quản cầu Bắc Luân II;

Căn cứ Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017; Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017; Nghị quyết số 131/2018/NQ- HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh theo Luật phí và lệ phí.

Để triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2021, đảm bảo công tác thu ngân sách nhà nước thu đúng, thu đủ, thu kịp thời nộp ngân sách Nhà nước, UBND thành phố Móng Cái thông báo như sau:

1. Kể từ 00 giờ, ngày 26/4/2021 tất cả các phương tiện vào khu vực cửa khẩu cầu Bắc Luân II để giao nhận hàng (kể cả phương tiện vào giao nhận hàng tại 2 bãi kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) phải nộp phí sử dụng kết cấu hạ tầng công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu theo quy định tại tiểu mục 2.1, mục 2, phần II, Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ninh (có phụ lục II gửi kèm).

2. Đơn vị quản lý thu: Ban QLCKQT Móng Cái.

3. Địa điểm thu phí: Tại bốt barie số 2 và nhà kiểm soát liên ngành cửa khẩu cầu Bắc Luân II, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái.

4. Giao cho Ban QLCKQT Móng Cái thông báo rộng rãi và niêm yết công khai thông báo này và Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ninh tại địa điểm thu phí của đơn vị để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu tại khu vực cửa khẩu cầu Bắc Luân II

biết thực hiện; triển khai thực hiện công tác thu và nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

UBND Thành phố thông báo để Ban QLCKQT Móng Cái, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp liên quan biết, nghiêm túc triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- TTThành ủy, HĐND Thành phố (B/c);
- TT.UBND thành phố (C/đ);
- Như kính gửi (T/h);
- Các doanh nghiệp hoạt động XNK; các tổ chức, cá nhân liên quan (T/h);
- Các ngành khối cửa khẩu (T/h);
- VP1, P4, V9;
- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Tuấn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 62/2017/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân
nh theo Luật Phí và lệ phí, thay thế Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND
ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh**



HĐND TỈNH QUẢNG NINH
Người ký: Hội đồng Nhân
dân tỉnh Quảng Ninh
Email:
hdnd@quangninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ninh
Thời gian ký: 14.07.2017
10:51:42 +07:00

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHOÁ XIII - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ
về lệ phí trước bạ;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính
hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân
tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 4431/TTr-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân
tỉnh về việc đề nghị quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân
dân tỉnh theo Luật Phí và lệ phí, thay thế Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND
ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 57/BC-
HĐND ngày 30/6/2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của
các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân
tỉnh theo Luật Phí và lệ phí, thay thế Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày
07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Danh mục và mức thu các khoản phí, lệ phí tại Phụ lục I kèm theo;
2. Đối tượng nộp và đơn vị thu phí, lệ phí tại Phụ lục II kèm theo;
3. Tỷ lệ trích để lại cho các đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí tại Phụ lục
III kèm theo;

Riêng tỷ lệ trích để lại từ nguồn thu Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu đối với Ban Quản lý cửa khẩu Quốc tế Móng Cái là 9% (thực hiện kể từ ngày 01/9/2017); trường hợp phí này có số thu thực tế tăng 20% so với số kế hoạch giao, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, đề xuất điều chỉnh tỷ lệ trích cho phù hợp.

4. Đối tượng miễn, giảm phí, lệ phí tại Phụ lục IV kèm theo.

Điều 2. Quy định thu phí và lệ phí tại Nghị quyết này thay thế quy định tại Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 07/7/2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2017./. *Ưm*

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội; Chính phủ (b/c);
- Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội của tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá XIII;
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH, Báo QN, TT Thông tin;
- Lưu: VP, KTNS1.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Độc

PHỤ LỤC I:
MỨC THU CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ THEO LUẬT PHÍ VÀ LỆ PHÍ THUỘC
THẨM QUYỀN CỦA HĐND TỈNH THEO LUẬT PHÍ VÀ LỆ PHÍ

(Kèm theo Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh)

STT	Tên phí/ Lĩnh vực	Đơn vị tính	Mức thu
I	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN (01 khoản phí)		
1	Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống		
-	Đối với bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng	đồng/1 lần bình tuyển, công nhận	2.400.000
-	Đối với bình tuyển, công nhận vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống	đồng/1 lần bình tuyển, công nhận	6.000.000
II	CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG (03 khoản phí, lệ phí)		
2	Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu		
2.1	Các phương tiện vận tải trên bộ		
2.1.1	Phương tiện vận tải chở khách		
-	Xe chở khách dưới 12 chỗ ngồi	đồng/lượt phương tiện	40.000
-	Xe chở khách từ 12 chỗ đến 30 chỗ ngồi	đồng/lượt phương tiện	60.000
-	Xe chở khách từ 31 chỗ ngồi trở lên	đồng/lượt phương tiện	100.000
-	Phương tiện động cơ điện chở khách (thu từ 01/9/2017)	đồng/lượt phương tiện	10.000
2.1.2	Phương tiện vận tải vào giao nhận hàng tại khu vực cửa khẩu		
-	Xe ô tô có trọng tải dưới 5 tấn	đồng/lượt phương tiện	200.000
-	Xe ô tô có trọng tải từ 5 tấn đến dưới 10 tấn	đồng/lượt phương tiện	300.000
-	Xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, container 20'	đồng/lượt phương tiện	400.000
-	Xe ô tô có trọng tải từ 20 tấn trở lên, container 40'	đồng/lượt phương tiện	500.000
-	Xe ô tô chở quặng xuất khẩu:		
	+ Xe ô tô có trọng tải dưới 5 tấn	đồng/lượt phương tiện	1.000.000
	+ Xe ô tô có trọng tải từ 5 tấn đến dưới 10 tấn	đồng/lượt phương tiện	1.500.000

STT	Tên phí/ Lĩnh vực	Đơn vị tính	Mức thu
	+ Xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, container 20'	đồng/lượt phương tiện	2.000.000
	+ Xe ô tô có trọng tải từ 20 tấn trở lên, container 40'	đồng/lượt phương tiện	2.500.000
-	Phương tiện chờ hàng trung chuyển qua lại thường xuyên 2 đầu cầu, cầu phao thuộc khu vực cửa khẩu (thu từ ngày 01/9/2017)	đồng/lượt phương tiện	20.000
2.2	Các phương tiện vận tải thủy.		
2.2.1	Đối với tàu thuyền vào giao nhận hàng tại các bến (kể cả các tàu nước ngoài)		
-	Thuyền, mảng có trọng tải dưới 2 tấn	đồng/lượt phương tiện	5.000
-	Tàu, thuyền có trọng tải từ 2 đến 5 tấn	đồng/lượt phương tiện	15.000
-	Tàu, thuyền có trọng tải trên 5 tấn đến 10 tấn	đồng/lượt phương tiện	20.000
-	Tàu, thuyền có trọng tải trên 10 tấn đến 20 tấn	đồng/lượt phương tiện	30.000
-	Tàu, thuyền có trọng tải trên 20 tấn đến 50 tấn	đồng/lượt phương tiện	40.000
-	Tàu, thuyền có trọng tải trên 50 tấn đến 100 tấn	đồng/lượt phương tiện	60.000
-	Tàu, thuyền, xà lan có trọng tải trên 100 tấn đến 150 tấn	đồng/lượt phương tiện	80.000
-	Tàu, thuyền, xà lan có trọng tải trên 150 tấn đến 200 tấn	đồng/lượt phương tiện	100.000
-	Tàu, thuyền, xà lan có trọng tải trên 200 tấn	đồng/lượt phương tiện	200.000
2.2.2	Tàu, thuyền Trung Quốc vào thu mua hải sản	đồng/lượt phương tiện	400.000
2.3	Hàng hóa tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, hàng quá cảnh, hàng qua kho ngoại quan		
2.3.1	Xe ô tô, xe chuyên dùng, máy chuyên dùng các loại (tương đương công năng như xe ô tô, xe chuyên dùng)	đồng/chiếc	1.000.000
2.3.2	Lá thuốc lá và nguyên liệu để sản xuất thuốc lá		
-	Từ trước ngày 01/9/2017	đồng/tấn hoặc đồng/m ³	150.000
-	Từ 01/9/2017 đến 31/8/2018	đồng/container 20'	1.500.000
		đồng/container từ 40' trở lên.	3.000.000
-	Từ 01/9/2018 trở đi	đồng/container 20'	2.000.000
		đồng/container từ 40' trở lên.	4.000.000

STT	Tên phí/ Lĩnh vực	Đơn vị tính	Mức thu
2.3.3	Thuốc lá điều	đồng/kiện (1kiện= 50 tút)	4.000
2.3.4	Rượu	đồng/container 20'	2.500.000
		đồng/container từ 40' trở lên.	5.000.000
2.3.5	Cao su nguyên liệu, hạt nhựa nguyên sinh	đồng/tấn	115.000
2.3.6	Xăng dầu	đồng/tấn	50.000
2.3.7	Màn hình vi tính, hàng điện tử, xe đạp các loại; sẫm, lốp ô tô các loại	đồng/container 20'	1.500.000
		đồng/container từ 40' trở lên.	3.000.000
2.3.8	Cây cảnh các loại và hàng hóa khác tương đương cây cảnh vận chuyển bằng đầu kéo, somi rơmoóc, container	đồng/phương tiện vận chuyển bằng đầu kéo, somi rơmoóc tương đương 20'	1.000.000
		đồng/phương tiện vận chuyển bằng đầu kéo, somi rơmoóc tương đương từ 40' trở lên.	2.000.000
2.3.9	Hàng đông lạnh, đường tinh luyện	đồng/container 20'	2.000.000
		đồng/container từ 40' trở lên.	4.000.000
2.3.10	Hàng hóa vận chuyển trên xe tải		
	Dưới 05 tấn	đồng/phương tiện	1.000.000
	Từ 05 tấn đến dưới 10 tấn	đồng/phương tiện	1.500.000
	Từ 10 tấn - 15 tấn	đồng/phương tiện	2.000.000
	Từ trên 15 tấn - 20 tấn	đồng/phương tiện	2.500.000
	Từ trên 20 tấn	đồng/phương tiện	3.000.000
2.3.11	Hàng quả, hạt khô các loại (thu từ ngày 01/9/2017)	đồng/container 20'	1.500.000
		đồng/container từ 40' trở lên.	3.000.000
2.3.12	Hàng hóa khác	đồng/tấn hoặc đồng/m3	135.000
		đồng/container 20'	1.500.000
		đồng/container từ 40' trở lên.	3.000.000
2.3.13	Máy móc thiết bị chuyên dùng loại nhỏ (trừ máy chuyên dùng tại mục 2.3.1)	đồng/chiếc	180.000

STT	Tên phí/ Lĩnh vực	Đơn vị tính	Mức thu
2.3.14	Đối với cảng Vạn Gia		Bằng 50% mức thu quy định từ 2.3.1 đến 2.3.13
2.4	Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu; nhập khẩu để gia công xuất khẩu qua địa bàn Tỉnh Quảng Ninh		
2.4.1	Đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu; nhập khẩu để gia công xuất khẩu đông lạnh (thu từ ngày 01/9/2017)	đồng/container 20'	2.000.000
		đồng/container từ 40' trở lên.	4.000.000
2.4.2	Đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu; nhập khẩu để gia công xuất khẩu khác (thu từ ngày 01/9/2017)	đồng/tấn	20.000
3	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng		
-	Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép)	đồng/giấy phép	60.000
-	Cấp phép xây dựng các công trình khác	đồng/giấy phép	120.000
-	Trường hợp gia hạn cấp giấy phép xây dựng	đồng/giấy phép	12.000
4	Lệ phí đăng ký kinh doanh		
-	Hợp tác xã, hộ kinh doanh do phòng Tài chính kế hoạch cấp huyện cấp giấy chứng nhận hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với từng loại hình	đồng/1 lần cấp	120.000
-	Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	đồng/1 lần cấp	24.000
-	Cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh hoặc bản trích lục nội dung đăng ký kinh doanh	đồng/1 bản	2.000
III	GIAO THÔNG VẬN TẢI (01 khoản phí, lệ phí)		
5	Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố		
5.1	Đối với việc sử dụng tạm thời một phần hè phố, một phần lòng đường làm điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình và điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị (thời gian sử dụng từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau (quy định tại điểm d khoản 2 Điều 25 và điểm b khoản 2 Điều 25b Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013)		
-	Địa bàn thành phố, thị xã	đồng/m ² /tháng	20.000
		đồng/m ² /ngày	1.000
-	Địa bàn huyện	đồng/m ² /tháng	10.000
		đồng/m ² /ngày	500



PHỤ LỤC II:

ĐỐI TƯỢNG NỘP PHÍ, LỆ PHÍ VÀ ĐƠN VỊ THU PHÍ, LỆ PHÍ

(Kèm theo Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh)

STT	Lĩnh vực theo quy định tại Luật Phí, lệ phí	Tên phí, lệ phí	Đối tượng nộp phí, lệ phí	Đơn vị thu phí, lệ phí
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (01 phí)	1. Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống
2	Công nghiệp, thương mại, đầu tư, xây dựng (03 phí, lệ phí)	2. Phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu	Tổ chức, cá nhân sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng (thu đối với phương tiện ra vào cửa khẩu), công trình dịch vụ và tiện ích công cộng khác trong khu kinh tế cửa khẩu	Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu Phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu
		3. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	Người xin cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật.	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng.
		4. Lệ phí đăng ký kinh doanh	Hợp tác xã, hộ kinh doanh khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
3	Giao thông vận tải (01 phí)	5. Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố	Các đối tượng được phép sử dụng lòng đường, hè phố vào mục đích sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng lòng đường, hè phố	Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng hè đường, lòng đường, hè phố
4	Văn hóa, thể thao, du lịch (05 phí)	6. Phí thăm quan danh lam thắng cảnh (đối với công trình thuộc địa phương quản lý)	- Phí thăm quan danh lam thắng cảnh Vịnh Hạ Long: Khách thăm quan du lịch trên Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long. - Phí thăm quan các danh lam thắng cảnh khác: Khách thăm quan danh lam thắng cảnh	- Phí thăm quan danh lam thắng cảnh Vịnh Hạ Long: Ban quản lý vịnh Hạ Long. - Phí thăm quan các danh lam thắng cảnh khác: Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí thăm quan danh lam thắng cảnh

STT	Lĩnh vực theo quy định tại Luật Phí, lệ phí	Tên phí, lệ phí	Đối tượng nộp phí, lệ phí	Đơn vị thu phí, lệ phí
		7. Phí thăm quan di tích lịch sử (đối với công trình thuộc địa phương quản lý)	Người thăm quan những di tích lịch sử có quy định thu phí	Cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ thu phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa
		8. Phí thăm quan công trình văn hóa, bảo tàng (đối với công trình thuộc địa phương quản lý)	Người thăm quan những công trình văn hóa, bảo tàng có quy định thu phí.	Cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ thu phí thăm quan công trình văn hóa, bảo tàng
		9. Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoạt động kinh doanh lĩnh vực thể thao khi đề nghị cấp, cấp lại, bổ sung hoạt động kinh doanh, gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, hoạt động	Sở Văn hóa Thể thao
		10. Phí thư viện	Người sử dụng tài liệu, sách, báo của thư viện.	Các thư viện trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
5	Tài nguyên và Môi trường (09 phí, lệ phí)	11. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết.	Chi cục Bảo vệ môi trường
		12. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung	Chi cục Bảo vệ Môi trường
		13. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	a) Các tổ chức, cá nhân đăng ký, nộp hồ sơ cấp quyền sử dụng đất có nhu cầu hoặc cần phải thẩm định theo quy định để cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thẩm định để giao đất, cho thuê đất; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; điều chỉnh ranh giới sử	Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện (Đối với các huyện, thị xã, thành phố chưa thành lập văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thì thuộc thẩm quyền phòng Tài nguyên - Môi trường)

STT	Lĩnh vực theo quy định tại Luật Phí, lệ phí	Tên phí, lệ phí	Đối tượng nộp phí, lệ phí	Đơn vị thu phí, lệ phí
			b) Các tổ chức, cá nhân đăng ký, nộp hồ sơ cấp quyền sử dụng đất có nhu cầu hoặc cần phải thẩm định theo quy định để cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thẩm định chuyển chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất	Văn phòng đăng ký đất đai cấp tỉnh, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện (Đối với các huyện, thị xã, thành phố chưa thành lập văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thì thuộc thẩm quyền phòng Tài nguyên - Môi trường)
		14. Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất	Sở Tài nguyên và Môi trường
		15. Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất	Sở Tài nguyên và Môi trường
		16. Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị thẩm định đề án khai thác; sử dụng nước mặt, nước biển.	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17. Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.	Sở Tài nguyên và Môi trường
		18. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai	Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu đất đai	Văn phòng đăng ký đất đai cấp tỉnh, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện (Đối với các huyện, thị xã, thành phố chưa thành lập văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thì thuộc thẩm quyền phòng Tài nguyên - Môi trường)

STT	Lĩnh vực theo quy định tại Luật Phí, lệ phí	Tên phí, lệ phí	Đối tượng nộp phí, lệ phí	Đơn vị thu phí, lệ phí
		19. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất	Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất	Văn phòng đăng ký đất đai cấp tỉnh, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện (Đối với các huyện, thị xã, thành phố chưa thành lập văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thì thuộc thẩm quyền phòng Tài nguyên - Môi trường).
6	Tư pháp (03 phí, lệ phí)	20. Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Tổ chức, cá nhân có yêu cầu cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên, cung cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án và được cơ quan đăng ký giao dịch	- Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; - Ủy ban nhân dân xã trong trường hợp được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện ủy quyền thực hiện đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân cư trú tại các xã ở xa
		21. Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thông báo việc kê biên tài sản thi hành án	Văn phòng đăng ký đất đai cấp tỉnh, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện (Đối với các huyện, thị xã, thành phố chưa thành lập văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thì thuộc thẩm quyền phòng Tài nguyên - Môi trường). UBND xã trong trường hợp được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện ủy quyền thực hiện đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân cư trú tại các xã ở xa huyện lỵ